

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 09-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hòa;

Ông Lộc Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023, Quyết hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối các với bị cáo.

1. Hoàng Văn Th, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1981 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn Ch (đã chết) con bà Nông Thị B. Vợ Vi Thị M. Có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2022 đến ngày 09/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt.

2. Hà Văn M, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1965 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K, con bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); vợ Hoàng Thị T; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lộc Bình,

tỉnh Lạng Sơn (Quyết định ủy quyền số 4609/QĐ-UBND, ngày 22/9/2022), vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn T - Công chức địa chính xã N (Quyết định ủy quyền số 04/QĐ-UBND, ngày 12/01/2023), có mặt.

- Anh Hoàng Văn T, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người làm chứng

- Anh Lương Văn H, Tô Văn B, Nông Văn T, Lương Văn C, Tô Văn Đ, cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Anh Lại Văn V, Hoàng Trường S, cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Ông Hà Văn M, địa chỉ: Thôn Bản T, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 05 phút, ngày 21/6/2022 Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được thông tin xe ô tô tải nhãn hiệu FAW biển kiểm soát (BKS) 12H-005.54 đang vận chuyển gỗ khai thác trái phép từ rừng phòng hộ tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi nhận tin Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn đã phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn cử lực lượng tiến hành kiểm tra, xác minh. Đến 11 giờ 55 phút cùng ngày, tổ công tác đến khu vực thôn B, xã N, huyện L phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát: 12H-005.54 do Hoàng Văn T điều khiển, trên thùng xe có 5,93 m³ gỗ thông. Phòng Cảnh sát môi trường đã tiến hành làm việc với Hoàng Văn Toàn, Hoàng Văn Tkhai nhận số gỗ trên là do Hoàng Văn Th thuê vận chuyển từ khu rừng tại thôn B, xã N, huyện L đến thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Do không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nên Hoàng Văn T và toàn bộ tang vật, phương tiện có dấu hiệu vi phạm bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn giữ đưa về Hạt Kiểm lâm huyện L để làm việc.

Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao tài liệu liên quan đến vụ việc tới Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lộc Bình để giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 23/6/2022 xác định khu rừng bị chặt phá tại lô 9; 16, khoảnh 6, tiểu khu 421 bản đồ hiện trạng rừng xã N năm 2021 thuộc thửa đất số 569, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích khu vực có cây bị chặt hạ là khoảng hơn 2500 m².

Phía Bắc tiếp giáp lô số 4; 8 khoảnh 6, tiểu khu 421. Phía Nam tiếp giáp lô số 17; 22 khoảnh 6, tiểu khu 421. Phía Tây tiếp giáp lô số 11; 12 khoảnh 6, tiểu khu 421. Phía Đông tiếp giáp lô số 15; 19; 21; 62 khoảnh 6, tiểu khu 421.

Tại hiện trường phát hiện 114 gốc cây thông có đường kính gốc từ 10 cm đến 40 cm bị cưa hạ. Qua kiểm đếm tại hiện trường còn 972 khúc gỗ có chiều dài 1,3m và 2m với tổng khối lượng 36,05 m³ (ba mươi sáu phẩy không năm mét khối) nằm rải rác tại hiện trường.

Tại bản kết luận giám định tư pháp ngày 04/8/2022 của Giám định viên tại Hạt Kiểm lâm huyện Đ, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn, kết luận:

Tổng diện tích khu rừng trước lúc khai thác là 11.007 m² (trong đó diện tích có cây thông bị khai thác là 2.828 m²) tại lô 9; 16, khoảnh 6, tiểu khu 421 bản đồ hiện trạng rừng xã Năm 2021 thuộc thửa đất số 569, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trạng thái rừng thể hiện trên bản đồ: RTG là rừng gỗ trồng núi đất, đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng xã N, huyện L theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì khoảnh 6, tiểu khu 421 thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ.

Căn cứ theo Điều 5, Điều 7, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp và kết quả giám định thực tế tại hiện trường diện tích 2.828m² có cây thông bị khai thác là rừng phòng hộ là rừng trồng, loài cây trồng là cây thông (thông Mã Vĩ), thuộc loài thực vật thông thường.

Xác định khối lượng gỗ: Trên diện tích 2.828 m² có 114 cây gỗ bị khai thác, tương đương 403 cây/ha với tổng khối lượng 41,98 m³ (bốn mươi một phẩy chín mươi tám mét khối).

Quá trình điều tra làm rõ: Năm 1997, Lâm trường Lộc Bình đã triển khai cho các hộ dân trên địa bàn xã Nhận khoán trồng rừng phòng hộ theo chương trình 327. Ông Hà Văn M ký hợp đồng với Lâm trường L nhận khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng phòng hộ với diện tích 2,0 ha, tại khoảnh 6, tiểu khu 421 thuộc thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi ký hợp đồng ông Hà Văn M và gia đình đã trồng cây thông trên khu đất được giao và tiến hành chăm sóc bảo vệ, trong quá trình chăm sóc bảo vệ do xảy ra cháy, cây bị chết một phần nên còn khoảng hơn 200 cây thông (năm 2010 công ty Lâm nghiệp chuyển đổi hình thức sở hữu từ sở hữu Nhà nước sang công ty TNHH MTV chưa tiến hành thanh lý hợp đồng đối với ông Hà Văn M). Đến ngày 24/4/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định số 687/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, quyết định tiếp tục đưa khu rừng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 421 vào quy hoạch rừng phòng hộ. Số cây thông trên đất Ủy ban nhân dân xã N tiếp tục để cho ông Hà Văn M chăm sóc bảo vệ.

Đến tháng 02/2021, do thấy các cây thông trồng và khai thác nhựa đã lâu năm, không còn hiệu quả kinh tế nên ông Hà Văn M muốn bán số cây thông để người mua khai thác, sau đó trồng lại cây mới nên đã gặp và đặt vấn đề với Tô Văn Đ tìm người mua cây. Đến khoảng tháng 9/2021, Tô Văn Đ gặp Hoàng Văn Th và nói việc ông Hà Văn M có rừng thông bán, Hoàng Văn Th nhờ Tô Văn Đ đưa đến nhà của ông Hà Văn M để đi xem. Khi Hoàng Văn Th đến rừng xem cây thì ông Hà Văn M nói cho Hoàng Văn Th biết khu rừng có ý định bán là rừng phòng hộ

nhưng Hoàng Văn Th vẫn quyết định mua. Hai bên thỏa thuận Hoàng Văn Th mua toàn bộ khu rừng của ông Hà Văn M với giá 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) và đưa trước cho ông Hà Văn M 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đặt cọc. Đến ngày 07/10/2021, Hoàng Văn Th lại nhờ Tô Văn Đ đưa đến nhà ông Hà Văn M để làm giấy tờ mua bán, Hoàng Văn Th và ông Hà Văn M thỏa thuận thống nhất trả trước số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) còn lại khi nào khai thác được một nửa số cây trên khu rừng và chở đi bán được 2 đến 3 xe thì Hoàng Văn Th sẽ trả hết, các vấn đề liên quan đến cơ quan chức năng do Hoàng Văn Th giải quyết. Do Hoàng Văn Th và ông Hà Văn M không biết làm hợp đồng nên cả hai người nhờ Tô Văn Đ viết hộ giấy tờ mua bán, quá trình làm giấy tờ mua bán Hoàng Văn Th đưa cho ông Hà Văn M thêm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng hai lần đưa là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Sau khi mua được cây, Hoàng Văn Th biết không thể xin được giấy phép khai thác vì khu rừng mua được là rừng phòng hộ, cho rằng với số lượng cây ít và có thể khai thác trót lọt không sợ bị cơ quan chức năng phát hiện. Đến khoảng cuối tháng 5/2022, Hoàng Văn Th liên hệ với Lường Văn H để khai thác số cây thông đã mua và thỏa thuận giá mỗi 1 ster gỗ khai thác được bốc lên xe là 220.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Lường Văn H đồng ý và rủ Nông Văn Th, Lường Văn C, Tô Xuân B, Lại Văn V, Hoàng Trường S cùng đi khai thác thuê cho Hoàng Văn Th. Ngày 03/6/2022, Hoàng Văn Th gọi điện cho ông Hà Văn M nói “*Ngày mai cháu sẽ cho người vào cắt cây*” ông Hà Văn M cho rằng đã bán cây cho Hoàng Văn Th nên mặc kệ khai thác như thế nào là việc của Hoàng Văn Th và coi như không biết gì. Sáng ngày 04/6/2022, Hoàng Văn Th đưa nhóm của Lường Văn H đến khu rừng đã mua để khai thác cây và chỉ cho cả nhóm vị trí khai thác, cách thức khai thác; buổi trưa cùng ngày Hà Văn T đến nhà ông Hà Văn M ăn cơm, tại đây ông Hà Văn M tiếp tục nhắc lại khi nào Hoàng Văn Th khai thác được một nửa số cây trên khu rừng và vận chuyển được 2 đến 3 xe thì trả hết tiền, Hoàng Văn Th đồng ý. Các ngày 04, 05, 07, 09, 10, 13, 18, 19 tháng 6/2022, nhóm của Lường Văn H thay nhau dùng 01 máy cưa xăng cắt hạ cây gỗ thông và cưa ra thành từng khúc có chiều dài 1,3m và 2m; khi cắt xong cả nhóm vận chuyển các khúc gỗ ra khu vực gần đường đi để chờ xe đến chở đi bán. Khi nhóm của Lường Văn H khai thác được gần một nửa khu rừng, thấy đã đủ số lượng để vận chuyển đi bán. Tối ngày 20/6/2022, Hoàng Văn Th gọi điện thoại cho Hoàng Văn T thuê chở gỗ đi bán với giá mỗi xe là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) Hoàng Văn T đồng ý. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 21/6/2022, Hoàng Văn Th cùng Hoàng Văn T đi ô tô tải nhãn hiệu FAW biển kiểm soát: 12H-005.54 do Hoàng Văn T điều khiển đi đến khu rừng tại xóm Phai Mát, thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để chở gỗ, khi đến nơi Hoàng Văn Th chỉ đạo nhóm của Lường Văn H vận chuyển gỗ lên xe ô tô; đến khoảng hơn 10 giờ 00 phút cùng ngày Hoàng Văn Th và Hoàng Văn T đi ra khỏi rừng để chở gỗ mang đi bán. Khi đi đến đường tỉnh lộ 248 thuộc địa phận thôn B, xã N, huyện L thì bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn kiểm tra, do không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc và giấy tờ khai thác nên Hoàng Văn Th và xe ô tô bị đưa về Hạt Kiểm lâm huyện L để làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lộc Bình kết luận: 41,98 m³ (bốn mươi một phẩy chín mươi tám mét khối) gỗ thông có giá trị là 30.645.400 đồng (ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm đồng).

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSLB, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng theo điểm c khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ủy ban nhân dân nhân huyện L, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T, Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình bày tại Cơ quan điều tra - Công an huyện Lộc Bình: Diện tích rừng bị chặt phá thuộc lô 9, 16, khoảnh 6, tiểu khu 421 thuộc thửa đất số 569 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã N được quy hoạch rừng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã N quản lý và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân nhân xã N, người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn C, công chức địa chính xã trình bày tại phiên tòa: Diện tích rừng bị chặt phá thuộc lô 9, 16, khoảnh 6, tiểu khu 421 thuộc thửa đất số 569 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã N, huyện L là rừng phòng hộ chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào do Ủy ban nhân dân xã Quản lý, cây trên đất do ông Hà Văn M trồng theo dự án 327 của Chính phủ, khi khai thác rừng phòng hộ thì chủ rừng phải xin phép cơ quan có thẩm quyền, do rừng ở xa trung tâm khi các đối tượng khai thác Ủy ban nhân dân xã không nắm được. Đối với số gỗ khai thác trái phép đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn T trình bày tại Cơ quan điều tra: Ngày 21/6/2022 Hoàng Văn Th thuê anh chở gỗ ra thành phố Lạng Sơn bán giá 1.500.000 đồng/xe. Anh không biết gỗ anh chở là gỗ khai thác trái phép tại rừng phòng hộ. Đối với xe ô tô bị tạm giữ anh đã được Công an huyện trả lại, anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Người làm chứng:

Anh Lương Văn H, Tô Văn B, Nông Văn T, Lương Văn C, Lại Văn V, Hoàng Trường S trình bày tại Cơ quan điều tra: Các anh chỉ là người làm thuê khai thác gỗ thông cho Hoàng Văn Th và nhận tiền công, khi khai thác các anh không biết đây là rừng phòng hộ và không có giấy phép.

Ông Tô Văn Đ trình bày tại Cơ quan điều tra: Ông biết ông Hà Văn M muốn bán rừng nên giới thiệu cho Hoàng Văn Th đến mua, sau khi hai bên thống nhất đã nhờ ông là viết giấy tờ mua bán, ông không biết khu rừng trên là rừng phòng hộ và ông không được hưởng lợi ích gì từ việc mua bán này.

Ông Hà Văn M trình bày tại Cơ quan điều tra: Ngày 07/10/2021 ông được em trai là Hà Văn M gọi điện thoại bảo đến nhà để chứng kiến việc giao nhận tiền bán gỗ giữa ông Hà Văn M và Hoàng Văn Th ngoài ra ông không biết gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 232, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; xử phạt bị cáo Hà Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Biên bản xác minh các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 41,98 m³ gỗ thông (tổng số gỗ thu được trên xe và tại rừng) là vật chứng vụ án nay còn giá trị sử dụng, căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị truy thu số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo Hà Văn M là tiền bán cây thông trên rừng cho Hoàng Văn Th, đây là tiền do phạm tội mà có.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Trong tháng 6/2022, Hoàng Văn Th chưa xin phép cơ quan chức năng đã thuê nhóm

của Lương Văn H khai thác gỗ thông trái phép với mục đích mua bán kiếm lời trên diện tích 2.828m² tại lô 9; 16, khoảnh 6, tiểu khu 421 thuộc thửa đất số 569, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được xác định rừng phòng hộ là rừng trồng. Hoàng Văn Th đã chỉ đạo dùng cưa cắt 114 cây gỗ (thông Mã Vĩ), thuộc loài thực vật thông thường với tổng khối lượng 41,98m³ (bốn mươi một phẩy chín mươi tám mét khối) và thuê xe chở đi tiêu thụ. Đối với bị cáo Hà Văn M là người được trực tiếp chăm sóc, bảo vệ cây thông trên khu rừng phòng hộ, bị cáo Hà Văn M nhận thức được việc khai thác cây trên rừng phòng hộ phải được phép của cơ quan chức năng, khi chưa được phép của cơ quan chức năng mà bị cáo Hà Văn M đã cho bị cáo Hoàng Văn Th đưa người vào khai thác cây trên rừng phòng hộ. Như vậy, các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M đã vi phạm vào Điều 9 Luật Lâm nghiệp quy định: “*Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp: 1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật...*” và vi phạm điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định về khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ là rừng trồng thì điều kiện khai thác như sau: “*Chủ rừng phải lập phương án khai thác gỗ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*”. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng theo điểm c khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc khai thác rừng phòng hộ khi chưa xin phép là vi phạm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý theo quy định mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trước khi phạm tội các bị cáo chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cả hai bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp (Thường văn hóa 2/12, Mèo 1/12), bị cáo Hà Văn M cho rằng cây thông do gia đình trồng, chăm sóc, đã khai thác nhựa thông lâu năm đến nay cây không đem lại hiệu quả kinh tế nên bị cáo muốn bán cây để khai thác và trồng cây mới; bị cáo Hoàng Văn Th khi mua cây cho rằng số lượng cây ít và xung quanh đã có người khai thác nên có thể khai thác được. Bỏ để bị cáo Hoàng Văn Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, ông nội được Nhà nước tặng thưởng huy chương Hạng Nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Hà Văn M là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất. Tuy nhiên các bị cáo có chung ý thức thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, về nguyên tắc mỗi đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập do hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bản thân.

[7] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Hoàng Văn Th là người mua cây trên rừng của bị cáo Hà Văn M và biết đây là rừng phòng hộ. Khi khai thác bị cáo không xin phép cơ quan có thẩm quyền mà đã đưa người vào khai thác, khối lượng gỗ thông bị khai thác trái phép là 41,98m³ gỗ. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Hà Văn M là người được giao chăm sóc, bảo vệ cây thông trên rừng phòng hộ, khi bán cây bị cáo Hà Văn M không xin phép; khi bị cáo Hoàng Văn Th đưa người vào khai thác cây bị cáo Hà Văn M không quan tâm, không kiểm tra có giấy phép khai thác, tạo điều kiện cho bị cáo Hoàng Văn Th thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Hoàng Văn Th nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; tại địa phương các bị cáo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng không gây ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”. Theo biên bản xác minh thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về vật chứng: Đối với 41,98 m³ gỗ (tổng số gỗ thu được trên xe và tại rừng) là vật chứng vụ án nay còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo Hà Văn M là tiền bán cây trên rừng đây là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo Hà Văn M nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với Lương Văn H, Nông Văn T, Lương Văn C, Tô Xuân B, Lại Văn V và Hoàng Trường S được Hoàng Văn Th thuê khai thác gỗ trên rừng, tuy nhiên khi thuê khai thác Hoàng Văn Th không nói cho họ biết khu rừng khai thác là

rừng phòng hộ. Đối với Tô Văn Đ biết Hà Văn M bán rừng nên đã giới thiệu cho Hoàng Văn Th đến mua, Tô Văn Đ không biết khu rừng Hà Văn M bán là rừng phòng hộ và cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc mua bán trên. Đối với Hoàng Văn T là người được Hoàng Văn Th thuê xe vận chuyển gỗ từ khu rừng khai thác để mang đi bán, tuy nhiên Hoàng Văn T không biết số gỗ vận chuyển là gỗ khai thác trái phép, do vậy không có căn cứ để xử lý các đối tượng trên.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 232, Điều 17, Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292, Điều 293, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/02/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Hà Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/02/2023.

Giao bị cáo Hoàng Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện L; giao bị cáo Hà Văn M cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là nơi cư trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Vật chứng: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 41,98 m³ gỗ thông.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ghi ngày 30 tháng 12 năm 2022).

4. Truy thu của bị cáo Hà Văn M số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn Th, Hà Văn M mỗi bị cáo phải chịu phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niên yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, t.Lạng Sơn;
- Công an h Lộc Bình, t.Lạng Sơn;
- CQTHAHSCA h.Lộc Bình, t.Lạng Sơn;
- CCTHADS h L,t.Lạng Sơn;
- Các bị cáo; NCQLNVLQĐVA;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc